| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 51/2026/QĐST-HNGĐ | *Thanh Hóa, ngày 17 tháng 4 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 77/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2026; giữa:

* *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994;

Căn cước công dân: 038194002292;

Địa chỉ: số nhà C, đường L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn*: anh Bùi Minh T, sinh năm 1994;

Căn cước công dân: 038094013126;

Địa chỉ: thôn Đ, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84, 110,116, 117 và 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H và bị đơn, anh Bùi Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Bùi Minh Thành N (giới tính: Nam), sinh ngày 19/01/2025; hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh T đều có ý kiến chung thống nhất: giao cháu Bùi Minh Thành N cho chị Nguyễn Thị H (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Bùi Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng); thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/4/2026 cho đến khi cháu Bùi Minh T1 Nam thành niên (đủ 18 tuổi).

Hàng tháng, anh Bùi Minh T phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh Thành N cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; số căn cước công dân: 038194002292; Địa chỉ: số nhà C, đường L, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Hoặc nộp tiền qua Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Anh Bùi Minh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh Bùi Minh T thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh T đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ khác*: chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh T đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; chị Nguyễn Thị Hà C toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con thay cho anh Bùi Minh T; nhưng chị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí , ký hiệu BLTU/26E, số 0002249, ngày 26/3/2026; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Minh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

**Đặng Xuân Sơn**